



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Đà Nẵng

Số 31 + 32

Ngày 31 tháng 10 năm 2008

MỤC LỤC

		Trang
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
12/09/2008	Quyết định số 42/2008/QĐ-UBND sửa đổi khoản 1, Điều 4 Quyết định số 215/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2004 về quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	3
25/09/2008	Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện miễn thuỷ lợi phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	5
20/10/2008	Quyết định số 44/2008/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại UBND phường, xã ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng	7
21/10/2008	Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND qui định mức chi trợ cấp đối với người nghiện ma tuý, người bán dâm chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm GD - DN 05 - 06 thành phố Đà Nẵng	9
23/10/2008	Quyết định số 46/2008/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chế độ, chính sách và công tác quản lý đối với người được cử đi đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 ban hành kèm theo Quyết định số	11

56/2006/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2006 của UBND
thành phố Đà Nẵng

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

02/10/2008	Quyết định số 8117/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng thành phố Đà Nẵng	14
10/10/2008	Quyết định số 8356/QĐ-UBND quy định quản lý kiến trúc xây dựng đối với các công trình nhà ở riêng lẻ xây dựng trên đất chia lô mặt tiền tuyến đường Nguyễn Tất Thành	23
15/10/2008	Quyết định số 8507/QĐ-UBND quy định quản lý xây dựng đối với công trình nhà ở tại Khu dân cư đầu tuyến Nguyễn Văn Linh (Kho xăng dầu KV 5 cũ)	27
24/10/2008	Quyết định số 8772/QĐ-UBND phê duyệt Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010	31
09/09/2008	Chỉ thị số 17/CT-UBND triển khai thực hiện Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009	50
27/09/2008	Chỉ thị số 18/CT-UBND triển khai tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp thành phố Đà Nẵng lần thứ VI	52
09/10/2008	Chỉ thị số 19/CT-UBND tăng cường công tác lãnh đạo, kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng chậm trễ trong việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai tại các quận, huyện	54
20/10/2008	Chỉ thị số 20/CT-UBND về tăng cường một số biện pháp chống hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại	56

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**V/v sửa đổi khoản 1, Điều 4 Quyết định số 215/2004/QĐ-UB
ngày 30 tháng 12 năm 2004 về quy định mức thu, quản lý và sử dụng
phí tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2006/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá VII, nhiệm kỳ 2004- 2009, kỳ họp thứ 8 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, thời kỳ ổn định ngân sách, định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 215/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Quy định mức thu, quản lý và sử dụng Phí tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 95/2006/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi, thời kỳ ổn định ngân sách, định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương từ năm 2007 đến năm 2010 của thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 1577/STC-QLNS ngày 29 tháng 8 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1, Điều 4 Quyết định số 215/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2004 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng Phí Tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

“1. Đối với khu danh thắng Ngũ Hành Sơn:

Toàn bộ số tiền thu phí tham quan khu danh thắng Ngũ Hành Sơn được nộp vào ngân sách nhà nước và điều tiết 100% cho ngân sách quận Ngũ Hành Sơn để sử dụng chi thường xuyên cho công tác quản lý danh thắng, giữ gìn trật tự văn minh đô thị, môi trường văn hóa tại khu danh thắng; trùng tu, tôn tạo các hạng mục thuộc khu danh thắng.”

Điều 2: Nội dung quản lý, sử dụng phí tham quan khu danh thắng Ngũ Hành Sơn nêu tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng thực hiện cho thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2007 đến năm 2010.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Văn hóa – Thể thao và Du lịch; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ngũ Hành Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện miễn thuỷ lợi phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về Sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

Căn cứ Nghị định số 154/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 26/2008/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 154/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2006/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá VII, nhiệm kỳ 2004 – 2009, kỳ họp thứ 8 về nhiệm vụ năm 2007;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện miễn thuỷ lợi phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện miễn thuỷ lợi phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Quy định nêu tại Điều 1, Quyết định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định nêu tại Điều 1, Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 59/2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện miễn thu thuỷ lợi phí cho hộ nông dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại UBND phường, xã ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại UBND phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Bãi bỏ việc áp dụng thực hiện cơ chế một cửa liên thông tại UBND phường đối với hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai quy định tại các Điều 24, 25, 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38 của Quy định.

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của người sử dụng đất trên địa bàn phường đối với hồ sơ quy định tại các Điều 24, 25, 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38 được thực hiện tại UBND quận, theo Quy định về trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa tại UBND quận, huyện ban hành kèm theo Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho:

1. Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các quận, UBND các phường chịu trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất trên địa bàn phường thực hiện nộp hồ sơ theo quy định tại Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, giám sát tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các quận, huyện theo đúng quy định pháp luật.

3. Giám đốc Sở Nội vụ giúp Chủ tịch UBND thành phố theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Quyết định này tại UBND các quận, huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, Chủ tịch UBND các phường và các cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Qui định mức chi trợ cấp đối với người nghiện ma túy, người bán dâm chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm GD - DN 05 - 06 thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 117/2007/TT-BTC-BLĐTBXH ngày 01 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về Trách nhiệm đóng góp và chế độ trợ cấp đối với người nghiện ma túy, người bán dâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức chi trợ cấp đối với người nghiện ma túy, người bán dâm chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Đào nghề 05 - 06 thành phố Đà Nẵng được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2.

1. Mức chi trợ cấp nêu tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

2. Kinh phí thực hiện trợ cấp được trích từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

Phụ lục**Chế độ trợ cấp đối với người nghiện ma túy, người bán dâm
chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề 05-06***(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 10 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

TT	Nội dung	Định mức chi (Mức tối đa - đồng)	Thời gian thực hiện
1	Tiền ăn đối với người nghiện ma túy	240.000 đ/người/tháng	12 tháng
2	Tiền ăn đối với người bán dâm	240.000 đ/người/tháng	09 tháng
3	Tiền ăn đối với người nghiện ma túy, người bán dâm bị nhiễm HIV/AIDS, không còn khả năng lao động; người bán dâm, người nghiện ma túy chưa thành niên	240.000 đ/người/tháng	Trong thời gian chấp hành Quyết định
4	Tiền ăn đối với người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm	8.000 đ/người/ngày	Tối đa không quá 15 ngày
5	Tiền điều trị đối với người nghiện ma túy được trợ cấp thuốc hỗ trợ cắt cơn, cấp cứu, chi phí xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác	300.000 đ/người	
6	Tiền điều trị đối với những người bán dâm được trợ cấp thuốc điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục, thuốc chữa bệnh thông thường, xét nghiệm và các chi phí y tế khác	200.000 đ/người	Cho 1 lần chấp hành quyết định
7	Trường hợp người bán dâm đồng thời là người nghiện ma túy thì được cấp thuốc điều trị và thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện	400.000 đ/người	
8	Tiền mua sắm vật dụng cá nhân	120.000 đ/người/năm	Hoặc cho 1 lần chấp hành quyết định
9	Tiền hoạt động văn thể mỹ	30.000 đ/người/năm	
10	Tiền hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng cho đối tượng chấp hành quyết định lần đầu	750.000 đ/người	
11	Tiền hỗ trợ mai táng cho người nghiện ma túy, người bán dâm đang chữa trị cai nghiện chết mà không còn thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp hoặc chết do tai nạn lao động	2.000.000 đ/người	
12	Đối với người nghiện ma túy, người bán dâm bị nhiễm HIV/AIDS khi mắc các bệnh nhiễm trùng cơ hội được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng và các khoản chi hỗ trợ khác	150.000 đ/người	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chế độ, chính sách và công tác quản lý đối với người được cử đi đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2006/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2006 của UBND thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Thực hiện ý kiến kết luận của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 70-TB/TU ngày 26 tháng 10 năm 2007 và Thông báo số 91-TB/TU ngày 02 tháng 7 năm 2008 tại buổi làm việc với Ban Chỉ đạo Đề án 393 và Hội đồng xét tuyển Dự án 32;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chế độ, chính sách và công tác quản lý đối với người được cử đi đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2006/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2006 của UBND thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Văn bản này quy định chế độ, chính sách và công tác quản lý đối với người được cử đi đào tạo theo Đề án “Đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ của thành phố Đà Nẵng tại các cơ sở nước ngoài” ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-TU ngày 22 tháng 3 năm 2006 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng trong thời gian từ 2006 đến 2012.

2. Thay thế Điều 8 như sau:

Điều 8. Quy trình

1. Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án 393 (Ban Tổ chức Thành ủy) chủ động tạo nguồn đào tạo, tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ, tuyển chọn (chọn người, chọn ngành, chọn nước, chọn trường...) trình Thường trực Thành ủy phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn cử đi học;

2. Cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có văn bản giới thiệu kèm theo hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức được đề nghị cử đi học gửi cho cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Đề án 393;

3. Sinh viên tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước theo Dự án 32 tốt nghiệp loại giỏi trở lên, đúng ngành đào tạo của Đề án 393, đủ trình độ về ngoại ngữ và được cơ sở đào tạo đồng ý tiếp nhận học thạc sĩ, tiến sĩ thì được xem xét chuyển tiếp tham gia chương trình đào tạo theo Đề án 393 và do cơ quan thường trực quản lý Dự án 32 đề nghị;

4. Sau khi được Thường trực Thành ủy quyết định danh sách cử đi đào tạo, Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án 393 phối hợp với các cơ quan có liên quan giới thiệu những người được tuyển chọn với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài;

5. Trên cơ sở thư mời của cơ sở đào tạo ở nước ngoài và Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi học của UBND thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án 393 phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cấp phát kinh phí và hoàn thành các thủ tục cử cán bộ, công chức, viên chức đi học.

3. Sửa đổi và bổ sung Điều 13 như sau:

Điều 13. Quản lý và cấp phát kinh phí

2. Văn phòng Thành ủy trực tiếp quản lý và cấp kinh phí cho đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức để chuyển cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học theo phương thức sau:

c) Riêng học phí và phí bảo hiểm y tế của cán bộ, công chức, viên chức cử đi học tại trường đại học Queensland, Úc thì chuyển cho trường đại học Queensland.

4. Sửa đổi và bổ sung Điều 14 như sau:

Điều 14. Phân công trách nhiệm

1. Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án 393:

a) Trình UBND thành phố quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi học; tham gia ký kết hợp đồng cử cán bộ, công chức, viên chức đi học; theo dõi tình hình cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian học tập, sinh hoạt ở nước ngoài; nhận xét đánh giá kết quả học tập của từng cán bộ, công chức, viên chức; tham gia đề xuất bố trí công tác cho cán bộ, công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp;

b) Đề nghị UBND thành phố cấp kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học;

c) Phối hợp với Đại học Đà Nẵng, Viện Anh ngữ Đại học Đà Nẵng - Đại học Queensland tổ chức đào tạo ngoại ngữ. Cử cán bộ, công chức, viên chức có điểm IELTS và tương đương từ 5.0 trở lên tham dự các khóa bồi dưỡng ngoại ngữ tại Viện Anh ngữ Đại học Đà Nẵng - Đại học Queensland;

d) Chủ trì phối hợp với Văn phòng Thành ủy và Sở Tài chính thành phố xây dựng kế hoạch kinh phí thực hiện Đề án hằng năm;

đ) Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất Ban Thường vụ Thành ủy và UBND thành phố những ngành học thành phố đang cần để chọn cử cán bộ, công chức, viên chức đi học cho phù hợp.

2. Văn phòng Thành ủy:

a) Quản lý cấp phát kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức đi học ở nước ngoài, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, các khoản kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Đề án và cán bộ chuyên trách theo quy định;

b) Theo dõi, tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định tài chính hiện hành.

3. Sở Tài chính:

Thay thế điểm a, b, khoản 2, Điều 14, Chương V về trách nhiệm của Sở Tài chính như sau:

a) Tham mưu trình UBND thành phố cân đối, bố trí dự toán kinh phí thực hiện Đề án hằng năm theo quy định

b) Thực hiện tổng hợp vào quyết toán ngân sách kinh phí đã cấp phát cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học ở nước ngoài trên cơ sở báo cáo quyết toán của Văn phòng Thành ủy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chỉ đạo Đề án 393, Chánh Văn phòng Thành ủy, Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại vụ; Giám đốc Đại học Đà Nẵng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Văn Minh

VĂN BẢN KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8117/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng;

Căn cứ Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Các thành viên của Hội đồng có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế của Hội đồng theo nhiệm vụ được phân công phụ trách.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng thành phố; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các thành viên của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành
về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng thành phố Đà Nẵng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 8117/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Chức năng, nhiệm vụ

Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Hội đồng) thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương về thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể và quyết định vấn đề theo nguyên tắc đa số, trên cơ sở phát huy tính chủ động, sáng tạo của mỗi thành viên và bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các thành viên, Cơ quan thường trực, Tổ thư ký với cơ quan, tổ chức có đại diện là thành viên Hội đồng.

2. Các thành viên Hội đồng vừa tham gia công tác của Hội đồng, vừa là đại diện của cơ quan, tổ chức đã cử mình tham gia Hội đồng, có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở ngành, cơ quan, tổ chức mình theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Hội đồng.

Chương II TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng bao gồm:

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng;
2. Các thành viên của Hội đồng;
3. Cơ quan thường trực và Tổ thư ký của Hội đồng.

Điều 4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, trước Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương và trước pháp luật về hoạt động của Hội đồng;

- b) Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ đã giao;
- c) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng;
- d) Thay mặt Hội đồng ban hành chương trình, kế hoạch phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng hàng quý, sáu tháng, hàng năm và các kết luận của Hội đồng;
- đ) Duyệt kế hoạch tài chính, kinh phí hoạt động hàng năm của Hội đồng;
- e) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, thay thế các thành viên Hội đồng khi được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tán thành.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng:

- a) Giúp Chủ tịch Hội đồng ban hành chương trình, kế hoạch phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng trên địa bàn thành phố;
- b) Đôn đốc các thành viên của Hội đồng tổ chức triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở ngành, cơ quan, tổ chức mình theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng.
- c) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng;
- d) Thực hiện các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng khi được ủy quyền.

Điều 5: Các thành viên Hội đồng

1. Nhiệm vụ chung của các thành viên Hội đồng

- a) Tham gia các hoạt động triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/12/2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 10/2007) trên địa bàn thành phố;
- b) Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện, đồng thời đôn đốc, kiểm tra các cơ quan đơn vị trong toàn ngành thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2007 và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Hội đồng; thường xuyên trao đổi, phản ánh về chất lượng, hiệu quả tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư - cộng tác viên, về hoạt động của cộng tác viên trợ giúp pháp lý là cán bộ, công chức, viên chức của các ngành và của những người tiến hành tố tụng trong hoạt động phối hợp về trợ giúp pháp lý;
- c) Tham dự các phiên họp của Hội đồng và chuẩn bị nội dung, ý kiến tham gia các phiên họp của Hội đồng.
- d) Đề xuất với Hội đồng các biện pháp cần thiết để giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong công tác phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng;
- đ) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Hội đồng về kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của mình về công tác trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

2. Nhiệm vụ của các ngành thành viên

a) Phó Giám đốc Công an thành phố:

- Chỉ đạo Cơ quan điều tra các cấp, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý và đặt Hộp tin trợ giúp pháp lý tại trụ sở cơ quan đơn vị; chủ động đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phối hợp thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý;

- Chỉ đạo Cơ quan điều tra trong quá trình tiến hành tố tụng có trách nhiệm: giải thích cho người đang bị tạm giữ, tạm giam, bị can và các đương sự khác về quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ tiếp cận các thông tin về trợ giúp pháp lý; đồng thời có trách nhiệm cung cấp cho họ mẫu đơn đề nghị trợ giúp pháp lý và hướng dẫn người đang bị tạm giữ, tạm giam, bị can và các đương sự khác hoặc người thân thích của họ liên hệ với Trung tâm, Chi nhánh trợ giúp pháp lý để làm các thủ tục đề nghị trợ giúp pháp lý.

- Chỉ đạo Cơ quan điều tra thực hiện việc cấp giấy chứng nhận bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự theo quy định tại phần II: *cấp, thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng* (Thông tư liên tịch số 10/2007);

- Chỉ đạo Cơ quan điều tra, Giám thị Trại tạm giam, Nhà tạm giữ có trách nhiệm bố trí cho Trợ giúp viên hoặc Luật sư - cộng tác viên tiếp xúc với người bị tạm giam, tạm giữ, bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật; xác nhận về thời gian Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư - cộng tác viên tiếp xúc với người bị tạm giam, tạm giữ, bị can, bị cáo; cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng và kết luận điều tra cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư - cộng tác viên tham gia tố tụng.

b) Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố:

- Chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý và đặt Hộp thông tin trợ giúp pháp lý tại trụ sở cơ quan, đơn vị; chủ động đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phối hợp thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý;

- Chỉ đạo Viện Kiểm sát nhân dân các cấp trong quá trình tiến hành tố tụng có trách nhiệm: giải thích cho người đang bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo và các đương sự khác biết về quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ tiếp cận các thông tin về trợ giúp pháp lý; trong trường hợp các bị cáo, đương sự là người được trợ giúp pháp lý thì cung cấp cho họ mẫu đơn đề nghị trợ giúp pháp lý và địa chỉ liên hệ với Trung tâm hoặc Chi nhánh trợ giúp pháp lý.

- Chỉ đạo Viện Kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự theo quy định tại phần II: *cấp, thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng* (Thông tư liên tịch số 10/2007); xác nhận về thời gian làm việc của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư - cộng tác viên và thông báo các quyết định tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng hình sự cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư - Cộng tác viên tham gia tố tụng.

c) Phó Chánh án Tòa án nhân dân thành phố:

- Chỉ đạo Tòa án nhân dân các cấp niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý và đặt Hộp thông tin trợ giúp pháp lý tại trụ sở cơ quan, đơn vị; chủ động đề

ngợi Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước phối hợp thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý;

- Chỉ đạo Toà án nhân dân các cấp giải thích cho bị cáo và các đương sự khác biết về quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ tiếp cận các thông tin về trợ giúp pháp lý; trong trường hợp các bị cáo, đương sự là người được trợ giúp pháp lý thì cung cấp cho họ mẫu đơn đề nghị trợ giúp pháp lý và địa chỉ liên hệ với Trung tâm hoặc Chi nhánh trợ giúp pháp lý.

- Chỉ đạo Toà án nhân dân các cấp thực hiện việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo quy định tại phần II: *cấp, thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng* (Thông tư liên tịch số 10/2007).

- Chỉ đạo Toà án nhân dân các cấp:

+ Gửi lịch xét xử cho Trung tâm, Chi nhánh trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được cử tham gia tố tụng đối với những vụ việc Trung tâm, Chi nhánh cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng; ghi rõ trong bản án, quyết định tên của Trợ giúp viên pháp lý hoặc tên của Luật sư - cộng tác viên do Trung tâm, Chi nhánh cử tham gia tố tụng; ghi rõ ý kiến hoặc quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư - cộng tác viên khi bào chữa, đại diện, bảo vệ quyền lợi của người được trợ giúp pháp lý trong bản án, quyết định của Toà án;

+ Cấp các quyết định tố tụng, cụ thể:

Trong lĩnh vực tố tụng hình sự cấp: quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án, bản án, thông báo về việc kháng nghị (nếu có), quyết định kháng nghị (nếu có), quyết định phúc thẩm của Toà án cho Trung tâm hoặc Chi nhánh trợ giúp pháp lý;

Trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính cấp: biên bản hoà giải thành, quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự, quyết định giải quyết việc dân sự; quyết định thoả thuận về việc giải quyết vụ án hành chính; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ vụ án, bản sao bản án, thông báo về việc kháng nghị (nếu có), quyết định kháng nghị (nếu có), quyết định phúc thẩm của Toà án;

+ Xác nhận về thời gian làm việc của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư - cộng tác viên tham gia tố tụng.

d) Phó Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân Khu 5:

- Chỉ đạo các cơ quan tiền hành tố tụng Quân khu 5 niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý và đặt Hộp thông tin trợ giúp pháp lý tại trụ sở cơ quan, đơn vị; chủ động đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phối hợp thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý;

- Chỉ đạo các cơ quan tiền hành tố tụng Quân khu 5 trong quá trình tiến hành tố tụng có trách nhiệm: giải thích cho người đang bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị

cáo và các đương sự khác biết về quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ tiếp cận các thông tin về trợ giúp pháp lý; trong trường hợp các bị cáo, đương sự là người được trợ giúp pháp lý thì cung cấp cho họ mẫu đơn đề nghị trợ giúp pháp lý và địa chỉ liên hệ với Trung tâm hoặc Chi nhánh trợ giúp pháp lý.

- Chỉ đạo các cơ quan tiến hành tố tụng Quân khu 5 thực hiện việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự theo quy định tại phần II: *cấp, thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng* (Thông tư liên tịch số 10/2007); xác nhận về thời gian làm việc của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư - cộng tác viên và cung cấp quyết định tố tụng theo quy định của Thông tư liên tịch số 10/2007 cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư - cộng tác viên tham gia tố tụng.

đ) Phó Giám đốc Sở Tài chính thành phố:

Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan căn cứ vào các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính kế toán của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn các cơ quan thành viên của Hội đồng xây dựng dự toán kinh phí phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, kinh phí sơ kết, tổng kết của Hội đồng; kinh phí chi trả phụ cấp cho Trợ giúp viên pháp lý, bồi dưỡng cho Luật sư - cộng tác viên; kinh phí làm và đặt Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, Hộp tin trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật và các tài liệu khác có liên quan... và thực hiện thẩm tra dự toán để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, cấp kinh phí.

e) Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước:

- Cung cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng các cấp: Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, Mẫu đơn đề nghị trợ giúp pháp lý, Hộp thông tin trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật và các tài liệu pháp luật có liên quan về trợ giúp pháp lý và phổ biến các quy định về trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu; thông báo danh sách Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư là cộng tác viên cho các cơ quan tiến hành tố tụng;

- Kiểm tra diện người được trợ giúp pháp lý, bảo đảm người được trợ giúp pháp lý có đủ điều kiện theo quy định tại điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý và điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP;

- Cử Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư - cộng tác viên tham gia tố tụng theo đúng quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và Thông tư liên tịch số 10/2007.

- Phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá việc thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư - cộng tác viên, về hoạt động của cộng tác viên trợ giúp pháp lý là cán bộ, công chức, viên chức của các ngành và của những người tiến hành tố tụng trong hoạt động phối hợp về trợ giúp pháp lý.

Điều 6. Cơ quan thường trực Hội đồng

Cơ quan thường trực Hội đồng là Sở Tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chuẩn bị các dự thảo chương trình hoạt động của Hội đồng; dự toán kinh phí của Hội đồng;

2. Theo dõi, tổng hợp tình hình phối hợp triển khai thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng;

3. Chuẩn bị nội dung, tổ chức các phiên họp và các hoạt động khác của Hội đồng, theo dõi việc thực hiện các kết luận của Hội đồng và định kỳ báo cáo Hội đồng.

4. Đề nghị Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện công tác phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tại địa phương.

Điều 7. Tổ thư ký Hội đồng

Tổ thư ký của Hội đồng có nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng dự thảo kế hoạch, chương trình, báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; chuẩn bị nội dung, tài liệu các kỳ họp Hội đồng.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng giao

Tổ trưởng Tổ thư ký phân công nhiệm vụ cho các tổ viên và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về việc thực hiện nhiệm vụ của tổ.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 8. Chế độ họp của Hội đồng

Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần để kiểm điểm, đánh giá hoạt động, giải quyết những vướng mắc phát sinh và đề ra phương hướng công tác chỉ đạo thực hiện. Ngoài ra có thể họp đột xuất do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Điều 9. Chế độ báo cáo

- Định kỳ 06 tháng, 01 năm các thành viên Hội đồng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Hội đồng thông qua Sở Tư pháp - là cơ quan Thường trực của Hội đồng vào ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương.

- Sở Tư pháp - cơ quan thường trực của Hội đồng có trách nhiệm tổng hợp, định kỳ 6 tháng và 01 năm báo cáo Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quyết định việc gửi văn bản liên quan đến giải quyết công việc của Hội đồng để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng khi không triệu tập cuộc họp toàn thể.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng tập hợp ý kiến của các thành viên và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Điều 11. Kết luận của Hội đồng

1. Các kết luận của Hội đồng được thông qua tại phiên họp toàn thể của Hội đồng. Trường hợp lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng bằng văn bản, Chủ tịch Hội đồng có thể kết luận trên cơ sở tổng hợp ý kiến.

2. Kết luận của Hội đồng được cơ quan thường trực gửi đến các thành viên Hội đồng, các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

3. Kết luận của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng ký ban hành.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 12. Chế độ khen thưởng**

Hàng năm, Hội đồng phối hợp liên ngành tổ chức họp đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm tiếp theo; biểu dương, đề nghị khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện công tác phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tại địa phương.

Điều 13. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp - cơ quan Thường trực Hội đồng đề tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 8356/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định quản lý kiến trúc xây dựng đối với các công trình nhà ở riêng lẻ xây dựng trên đất chia lô mặt tiền tuyến đường Nguyễn Tất Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2006 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về quản lý kiến trúc, xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ xây dựng trên đất chia lô mặt tiền tuyến đường Nguyễn Tất Thành với các nội dung cụ thể như sau:

I. Giải thích từ ngữ:

- Chỉ giới đường đỏ: Là đường ranh giới phân định giữa phân lô đất để xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc các công trình kỹ thuật hạ tầng.

- Chỉ giới xây dựng: Là đường giới hạn cho phép xây nhà, công trình trên lô đất.

- Khoảng lùi: Là khoảng cách giữa chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

II. Các quy định chung:

Tất cả công trình phải được thiết kế bởi các tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân trong lĩnh vực chuyên môn, tuân thủ theo các điều khoản tại Quyết định này, bảo đảm theo đúng quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng hoặc thoả

thuận phương án kiến trúc phải có bản vẽ phối cảnh màu của công trình và phải được Sở Xây dựng thực hiện việc cấp giấy phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng (trừ các công trình được miễn giấy phép xây dựng theo các quy định hiện hành).

Đối với các chủ sử dụng đất có nhu cầu xây dựng khác với Quyết định này hoặc các công trình không phải nhà ở riêng lẻ phải được Sở Xây dựng xem xét thống nhất phương án kiến trúc, hoặc báo cáo UBND thành phố xem xét, thống nhất theo quy định.

1. Chỉ giới xây dựng, ban công:

- Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ đường Nguyễn Tất Thành, ban công được phép vươn ra 1,4m so với chỉ giới xây dựng.

- Chỉ giới xây dựng lùi vào 1m so với chỉ giới đường đỏ tuyến đường 5m sau nhà, ban công được phép vươn ra 1m so với chỉ giới xây dựng.

- Trong trường hợp có nhu cầu chừa sân trước, chỉ giới xây dựng lùi vào tối thiểu 3m so với chỉ giới đường đỏ.

- Không được phép lấn chiếm không gian, phạm ngấm của các khu đất và công trình kế cận.

- Cần nghiên cứu thiết kế ban công đúng chức năng sử dụng, đảm bảo thẩm mỹ cho công trình và tuyến phố.

- Đối với ban công phía đường 5m, phần diện tích được sử dụng vào mục đích khác không quá 50%.

2. Số tầng cao, chiều cao tầng:

- Đối với công trình, nhà ở được xây dựng trên 01 lô đất ở chia lô có chiều ngang mặt tiền 5m, chỉ được phép xây dựng từ 3 đến 5 tầng (không kể tầng hầm và tầng lửng). Trong trường hợp công trình có nhu cầu xây dựng 6 tầng thì chỉ được phép xây dựng tầng 6 ở các bước cột phía sau nhà, không được xây dựng tầng 6 trong khoảng không gian từ chỉ giới đường đỏ vào 8m. Độ cao công trình không vượt quá 24m so với cốt vỉa hè.

- Độ cao tầng 1: 3,9m so với cốt nền nhà (trong trường hợp có gác lửng hoặc tầng bán hầm, độ cao tầng trệt cộng tầng lửng hoặc độ cao tầng trệt cộng tầng bán hầm là 5,6m so với cốt vỉa hè); độ cao từng tầng lầu là 3,6m; cao độ nền nhà (trong trường hợp không có tầng bán hầm) so với cốt vỉa hè là +0,2m.

- Trong trường hợp công trình được xây dựng từ 02 lô đất trở lên, căn cứ vào đặc tính không gian và chức năng của từng công trình, giao Sở Xây dựng xem xét từng trường hợp cụ thể có thể cho phép độ cao các tầng và tổng độ cao công trình khác với quy định nhưng bảo đảm hài hoà với các công trình kế cận về cảnh quan kiến trúc.

- Đối với các công trình nằm trong phạm vi khống chế độ cao tĩnh không đầu Bắc sân bay Đà Nẵng sẽ được Sở Xây dựng xem xét và hướng dẫn cụ thể độ cao cho từng công trình.

5. Một số quy định đối với mặt tiền công trình:

- Không được phép xây dựng sảnh hạ ở tầng 1 của công trình.
- Tầng tầng trên mặt tiền công trình, phải nghiên cứu thiết kế kết cấu che nắng, chắn mưa kết hợp với ban công tầng cường tính bền vững cho công trình trước điều kiện bất lợi của thiên nhiên; đảm bảo mỹ quan cho công trình và tuyên phố.
- Không được bố trí sân phơi quần áo phía mặt tiền công trình.
- Không được sử dụng các kiến trúc tạm như mái tôn vòm, tranh, tre... bám vào kiến trúc chính của công trình trừ các trường hợp đặc biệt được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
- Không được phép bố trí vệ sinh ra phía mặt tiền đường 5m phía sau công trình. Khi thiết kế xây dựng cần có giải pháp kiến trúc mặt đứng phía sau bảo đảm cảnh quan chung. Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng phải có bản vẽ mặt đứng phía đường 5m.
- Không được sử dụng các màu tối trên các mảng tường mặt đứng bên công trình. Trường hợp các mảng tường bao che của công trình sử dụng trên 03 màu hoặc sử dụng các màu có sắc độ mạnh, chói, sặc sỡ phải được thể hiện cụ thể tại bản vẽ phối cảnh màu hoặc bản vẽ thiết kế mặt đứng, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, thống nhất trước khi xây dựng công trình.
- Công trình phải được thiết kế theo phong cách kiến trúc hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển kiến trúc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Không được sử dụng hay nhại các chi tiết kiến trúc cổ phương Tây.
- Trong trường hợp các công trình xây dựng cao hơn công trình kế cận, hoặc công trình kế cận chưa xây dựng, Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn phải có giải pháp trang trí cho mặt bên công trình bảo đảm cảnh quan công trình nhìn từ nhiều phía. Trong trường hợp này hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng phải có mặt đứng bên của công trình.

6. Các quy định về kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị khác:

- Tầng trên cùng của công trình có diện tích sử dụng tối thiểu là 40m². Tránh các trường hợp xây dựng các buồng cầu thang có diện tích sử dụng nhỏ trên sân thượng gây mất mỹ quan đô thị.
- Trong trường hợp công trình sử dụng mái tôn, phải xây dựng các mảng tường bao quanh cao hơn độ cao đỉnh mái tôn bảo đảm không nhìn thấy mái tôn từ các hướng nhìn.
- Cần nghiên cứu các giải pháp thiết kế và bố trí các không gian tâm linh phù hợp mỹ quan công trình và cảnh quan chung.
- Đối với các thiết bị lắp đặt mặt ngoài công trình phải có giải pháp che chắn đảm bảo mỹ quan công trình và cảnh quan chung.
- Hệ thống bao che công trình cần sử dụng vật liệu có độ bền vững cao đối với môi trường biển và phòng tránh bão; phải có giải pháp thu gom nước mưa, các đường ống thoát nước mưa phải được lắp đặt âm và dẫn vào hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải cần được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

Điều 2. Giám đốc Sở Xây dựng, UBND các quận, các BQL dự án có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của UBND thành phố có nội dung trái với Quyết định này đều không có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các quận, Chủ tịch UBND các phường, các chủ đầu tư và chủ điều hành dự án, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8507/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định quản lý xây dựng đối với
công trình nhà ở tại Khu dân cư đầu tuyến Nguyễn Văn Linh
(Kho xăng dầu khu vực 5 cũ)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2006 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1/500 Khu dân cư đầu tuyến Nguyễn Văn Linh (Kho xăng dầu khu vực 5 cũ);

Căn cứ Quyết định số 7611/QĐ-UBND ngày 17/9/2008 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Điều 1 tại Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng;

Xét nội dung Tờ trình số 297/TT-CT ngày 05/5/2008 của Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng về việc đề nghị phê duyệt Quy định về quản lý kiến trúc, xây dựng đối với công trình nhà ở tại Khu dân cư đầu tuyến Nguyễn Văn Linh (Kho xăng dầu khu vực 5 cũ);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại nội dung Tờ trình số 46/TTr-SXD ngày 01 tháng 10 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về quản lý kiến trúc, xây dựng đối với công trình nhà ở tại Khu dân cư đầu tuyến Nguyễn Văn Linh (Kho xăng dầu khu vực 5 cũ) thuộc phường Thạc

Gián, quận Thanh Khê và phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với những nội dung chính như sau:

1. Giải thích các khái niệm từ ngữ:

a) Chỉ giới đường đỏ:

- Chỉ giới đường đỏ là đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa để phân định ranh giới giữa phần đất để xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc các công trình kỹ thuật hạ tầng, không gian công cộng khác.

- Trong đô thị, chỉ giới đường đỏ là toàn bộ lòng đường, bó vỉa và vỉa hè.

b) Chỉ giới xây dựng:

Chỉ giới xây dựng là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình trên lô đất. Tất cả các chi tiết kiến trúc không được phép vươn ra khỏi chỉ giới xây dựng.

c) Khoảng lùi: Khoảng lùi là khoảng cách giữa chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

2. Các yêu cầu chung:

- Tất cả các công trình phải được thiết kế, xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết được duyệt, tuân thủ theo đúng các điều, khoản tại Quyết định này, bảo đảm theo Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Tất cả các công trình không được miễn giấy phép xây dựng thì phải được cơ quan chức năng cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng.

- Đối với các công trình công cộng, công trình xây dựng trên 5 tầng, hoặc công trình có nhu cầu xây dựng khác với Quyết định này thì phải được Sở Xây dựng xem xét phương án kiến trúc, báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng quyết định về giải pháp kiến trúc trước khi lập các bước thiết kế tiếp theo.

3. Chỉ giới xây dựng:

- Xây dựng không có sân trước chỉ giới xây dựng bắt buộc phải lùi vào so với chỉ giới đường đỏ là 1,2m; độ vươn ban công là 1,2m.

- Các công trình tại góc đường khoảng lùi trên được áp dụng cho cả hai mặt tiền đường.

- Trong trường hợp nhà xây dựng có sân trước thì khoảng lùi tối thiểu là 4m.

4. Không chế tầng cao, chiều cao xây dựng:

- Tầng cao xây dựng: từ 2 đến 5 tầng.

- Cao độ nền nhà +0,2m so với cao độ vỉa hè. Đối với nhà xây dựng có sân trước, cao độ nền nhà cho phép lớn hơn +0,2m nhưng không quá +0,45m so với cao độ vỉa hè.

- Chiều cao tầng trệt 3,9m.

- Tầng 2 trở lên chiều cao mỗi tầng là 3,6m.

5. Các chỉ tiêu kiến trúc khác được quy định như sau:

a) Phần ngầm và sân vườn:

- Phần ngầm của công trình không được vượt qua ranh giới đất đã được cấp.

- Hàng rào phải được thiết kế xây dựng thoáng.

- Khuyến khích trồng cây xanh để tạo sự hoà nhập công trình vào thiên nhiên.

b) Phần thân công trình:

- Không được sử dụng quá 3 màu trên mặt đứng công trình (kể cả trắng và đen). Không được sử dụng các màu đen, cam, đỏ, màu đậm và màu tối sẫm làm màu chủ đạo bên ngoài công trình.

- Không được phép sử dụng các chi tiết nhái kiến trúc cổ phương Tây như con tiện, chi tiết đầu trụ, hoa văn trang trí...

- Không được phép xây thêm các kiến trúc chắp vá, bám vào kiến trúc chính, tường rào hay làm kiến trúc tạm trên sân thượng, ban công, lô gia khi chưa có sự đồng ý của cơ quan quản lý. Không được xây các kiến trúc bằng vật liệu tạm (tranh, tre, nứa, lá), trừ trường hợp có yêu cầu đặc biệt về kiến trúc và được phép của Sở Xây dựng.

- Phải có biện pháp che chắn hoặc thiết kế bảo đảm mỹ quan các thiết bị lắp đặt kèm theo như máy điều hoà, bồn nước mái, các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời...

- Không bố trí sân phơi quần áo dọc các đường phố chính, ở mặt tiền các ngôi nhà.

c) Phần mái: Đối với nhà ở chia lô lợp mái tôn, thì phải xây tường thu hồi cao che khuất phần mái lợp tôn, để đảm bảo mỹ quan đô thị.

6. Vệ sinh đô thị:

- Nước thải khu vệ sinh (xí, tiêu) phải được xử lý qua bể tự hoại, xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi đổ vào hệ thống công chung.

- Nước mưa và các loại nước thải không được xả trực tiếp lên mặt vỉa hè, đường phố mà phải theo hệ thống ống, cống ngầm từ nhà chảy vào hệ thống thoát nước đô thị. Nước thải sản xuất và hoạt động dịch vụ phải được xử lý đạt yêu cầu quy định trước khi xả vào hệ thống công chung.

- Không được gây tiếng ồn, xả khói và khí thải gây khó chịu cho dân cư xung quanh. Miệng xả khói, ống thông hơi không được hướng ra đường phố, nhà xung quanh.

- Mặt tiền ngôi nhà, biển quảng cáo không được sử dụng vật liệu có độ phản quang lớn hơn 70%.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Sở Xây dựng, UBND quận Hải Châu, UBND quận Thanh Khê, UBND phường Hoà Thuận Tây, UBND phường Thạch Gián, Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm quản lý xây dựng theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng có trách nhiệm:

+ Phối hợp với UBND quận Hải Châu, UBND quận Thanh Khê công bố Quyết định này cho các chủ sử dụng đất, đồng thời niêm yết công khai Quyết định này tại UBND quận Hải Châu, UBND quận Thanh Khê, UBND phường Hoà Thuận Tây, UBND phường Thạch Gián và tại địa điểm làm việc của Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng.

+ Hướng dẫn chủ sử dụng đất có cam kết chấp hành theo đúng Quyết định này trước khi thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND quận Hải Châu, Chủ tịch UBND quận Thanh Khê, Chủ tịch UBND phường Hoà Thuận Tây, Chủ tịch UBND phường Thạch Gián, Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng, các tổ chức thiết kế, các hộ dân, các đơn vị có công trình xây dựng tại Khu dân cư đầu tuyến Nguyễn Văn Linh, các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8772/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách phát triển Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá;

Theo chủ trương của UBND thành phố tại Công văn số 1860/VP-QLĐTư ngày 12/6/2008 và Công văn số 4348/UBND-QLĐTư ngày 21/7/2008 v/v hoàn chỉnh Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010;

Xét Công văn số 3476/GD&ĐT-KHTC ngày 19/9/2008 của Sở Giáo dục và Đào tạo v/v phê duyệt Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010, kèm theo Công văn số 737/KHĐT-VX ngày 19/5/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v hoàn chỉnh Đề án;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2008-2010.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2008 - 2010
(Ban hành kèm theo Quyết định số 8772/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Phần thứ nhất
CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Cơ sở pháp lý

Xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học, ngành học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục và đào tạo; là xây dựng điều kiện thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện được quy định tại Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo từ năm 2001 đến năm 2010 của Chính phủ. Từ năm 1996 đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản về chủ trương, định hướng phát triển và chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo:

1. Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội về việc đổi mới giáo dục phổ thông, Nghị quyết số 41/2000/QH10 của Quốc hội về phổ cập THCS, Hướng dẫn số 10819/GDTrH ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh tiêu chuẩn phổ cập bậc THPT (để hoàn thành công tác phổ cập giáo dục bậc THPT phải đạt được một tỷ lệ nhất định về số lượng trường chuẩn quốc gia bậc THPT, có ít nhất 50% trở lên số trường tiểu học, 40% trở lên số trường THCS, mỗi quận, huyện phải có ít nhất 1 trường THPT đạt chuẩn quốc gia).

2. Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2010.

3. Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách phát triển Giáo dục Mầm non.

4. Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2005 và Quyết định số 25/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2005 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia kèm theo Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 2 năm 2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quyết định số 36/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

6. Quyết định số 1366/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

7. Quyết định số 32/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

8. Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010).

9. Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

10. Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

11. Quyết định số 01/2007/QĐ-UB ngày 06/01/2007 của UBND thành phố về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thành phố Đà Nẵng đến năm 2010”.

II. Cơ sở thực tiễn

1. Qua thực tiễn chỉ đạo và hiệu quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học, từ năm 1996 đến nay, chủ trương xây dựng trường chuẩn quốc gia là đúng đắn và mang tính khả thi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố đã có 16,37 % trường mầm non, 59 % trường tiểu học, 20% trường THCS và 10 % trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Bậc tiểu học có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cao nhất so với các tỉnh, thành phố phía Nam.

2. Các bậc học, ngành học đều đã được UBND thành phố phê duyệt Đề án quy hoạch mạng lưới trường, lớp. Một trong những mục tiêu của Đề án quy hoạch là xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tiến đến xây dựng trường chuẩn quốc gia. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đã được cấp ủy và chính quyền các cấp đưa vào nghị quyết thành một trong những mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương.

3. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục và đào tạo thành phố. Trường học đạt chuẩn quốc gia là điều kiện cần và đủ để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

4. Trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 2003 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá, Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố đã chỉ rõ *"xây dựng hệ thống các trường tiểu học, THCS và THPT, đảm bảo mỗi xã phường có ít nhất một trường tiểu học hoặc một trường THCS; mỗi quận, huyện có ít nhất một trường THPT công lập được xây dựng kiên cố, trang bị các thiết bị theo hướng chuẩn hoá, đồng bộ và hiện đại"*.

Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia là một trong những điều kiện để công nhận đơn vị hoàn thành phổ cập giáo dục bậc THPT.

Vì vậy, xây dựng trường chuẩn quốc gia các bậc học, ngành học là việc làm có ý nghĩa nhằm tạo điều kiện giáo dục toàn diện cho các thế hệ học sinh, tạo điều kiện nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài cho địa phương và cho đất nước.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA Ở CÁC CẤP HỌC, BẬC HỌC

I. Giáo dục mầm non

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

1.1. Kết quả xây dựng theo 5 tiêu chuẩn

Căn cứ Quyết định số 141/2001/QĐ-UB ngày 18 tháng 9 năm 2001 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường mầm non thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2001 - 2010, Quyết định số 6181/QĐ-UB ngày 09 tháng 10 năm 2003 của UBND thành phố Đà Nẵng về "Các chính sách phát triển GDMN" và Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về "Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia", ngành giáo dục và đào tạo thành phố đã tổ chức khảo sát thực trạng, lập kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia kết hợp với kế hoạch triển khai xây dựng cơ sở vật chất trường mầm non theo Đề án quy hoạch mạng lưới trường lớp bậc học mầm non giai đoạn 2001 - 2010. Kết quả thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn về tổ chức quản lý: Có 66 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 56,89%.

b) Tiêu chuẩn về cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên : Có 81 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 69,8 %

c) Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC và thiết bị: Có 23 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 19,82%.

d) Tiêu chuẩn về chất lượng chăm sóc - giáo dục : Có 90 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 77,58%.

e) Tiêu chuẩn về xã hội hoá giáo dục: Có 109 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 93,96%.
(Chi tiết theo biểu số 1a đính kèm).

Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố có 19 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 16,37 %

Số TT	Quận (Huyện)	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn quốc gia					Ghi chú
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Chia các loại hình			
					CL	BC	DL,TT	
1	Hải Châu	28	7	25.00	6	0	1	
2	Thanh Khê	27	2	7.41	1	0	1	

3	Sơn Trà	14	2	14.29	2	0	0	
4	Ngũ H. Sơn	8	1	12.50	1	0	0	
5	Liên Chiểu	15	2	13.33	2	0	0	
6	Cẩm Lệ	12	2	16.67	2	0	0	
7	Hòa Vang	12	3	25.00	3	0	0	
	Tổng cộng	116	19	16.38	17	0	2	

1.2. Kết quả triển khai một số tiêu chuẩn cụ thể

a) Tập trung chỉ đạo xây dựng **Tiêu chuẩn về Quy mô trường lớp và cơ sở vật chất**

- Từ năm 2001 đến nay, bằng nguồn kinh phí xây dựng cơ bản của thành phố, nguồn kinh phí kiến thiết thị chính và lao động công ích của các quận nội thành, nguồn thu từ quỹ đất của UBND huyện Hòa Vang, nguồn tài trợ phát triển vùng của các tổ chức phi chính phủ, nguồn đầu tư của các chủ trường mầm non tư thục để lập kế hoạch xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất các trường mầm non thuộc các loại hình. Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố đã có 19 trường mầm non thuộc các loại hình đủ điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật theo chuẩn quốc gia. Loại hình công lập có 17 trường đạt chuẩn quốc gia, đó là Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ, Măng Non, Tuổi Thơ, 19/5, 20/10, Ánh Hồng (Hải Châu), Vành Khuyên, Sơn Ca (Sơn Trà), Bạch Dương (Ngũ Hành Sơn), Hòa Tiến 1, Hòa Tiến số 2, Hoà Phú (Hoà Vang), Hướng Dương, Hương Sen (Cẩm Lệ), Cẩm Nhung (Thanh Khê), Tuổi Thơ, Măng Non (Liên Chiểu); loại hình tư thục đã có 2 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đó là Trường Mầm non tư thục Đức Trí (Hải Châu), Hồng Nhung (Thanh Khê).

- Ngoài các trường được công nhận đạt chuẩn, hiện nay, nhiều trường mầm non đang được đầu tư xây dựng hướng tới chuẩn quốc gia trong các năm học đến.

+ Loại hình công lập: có các trường Dạ Lan Hương (Hải Châu), Hoàng Yến (Sơn Trà), Hòa Bắc, Hòa Ninh (Hòa Vang); đồng thời, UBND thành phố đã phê duyệt quy mô đầu tư cho một số trường mầm non công lập khác như Hoà Mi (Sơn Trà).

+ Loại hình bán công: có các trường Hoà Mi, trường 1/6 (Liên Chiểu);

+ Loại hình tư thục: có các trường Hà Nguyên (Hải Châu), Hoa Phượng, Đức Minh (Thanh Khê).

b) Triển khai nhiều biện pháp xây dựng tiêu chí về "*Tỷ lệ cán bộ quản lý— giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn*" và "*Tỷ lệ giáo viên giỏi*" theo quy định tại **Tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên - nhân viên**.

Ngoài việc mở "*Lớp đào tạo cử nhân đại học tâm lý - giáo dục mầm non*" cho 88 cán bộ quản lý - giáo viên từ năm học 1999 - 2000, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố liên tiếp mở 2 "*Lớp đào tạo cử nhân cao đẳng mầm non*" cho 235 cán bộ quản lý - giáo viên các trường mầm non cận chuẩn; yêu cầu Hiệu trưởng các trường mầm non tạo điều kiện để cán bộ quản lý - giáo viên đi học các lớp nâng chuẩn do Trung tâm GDTX thành phố phối hợp với Trường Đại học sư phạm Đà Nẵng tổ chức giảng dạy. Kết quả đến nay,

các trường mầm non nội thành đều có từ 50% cán bộ quản lý - giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, các trường mầm non nông thôn có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn, trong đó trên chuẩn là 25,4%, 46 % cán bộ quản lý đạt trình độ trên chuẩn.

Bên cạnh việc đào tạo nâng chuẩn cho giáo viên, các cấp quản lý ngành còn quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi; các trường mầm non cận chuẩn đều đảm bảo có từ 10 % giáo viên giỏi cấp cơ sở trở lên.

c) Chỉ đạo các trường mầm non tham mưu cho cấp ủy địa phương về bồi dưỡng phát triển đảng viên, thực hiện tốt tiêu chí "Phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể trong trường mầm non" theo quy định tại tiêu chuẩn về tổ chức quản lý. Nhờ vậy, các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đều có tổ chức Đảng hoặc có đảng viên sinh hoạt chi bộ ghép với trường phổ thông.

2. Một số khó khăn, hạn chế

a) Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC và thiết bị là tiêu chuẩn mà các trường mầm non hiện nay đều chưa đạt.

b) Các trường còn thiếu trang thiết bị ở các phòng chức năng, như: thư viện, phòng thiết bị dạy học, phòng giáo dục âm nhạc, sân bãi...

II. Giáo dục tiểu học

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

1.1 Kết quả xây dựng theo 5 tiêu chuẩn

Căn cứ Quyết định số 1366/BGD&ĐT ngày 26 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường chuẩn quốc gia bậc tiểu học và Quyết định số 32/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, ngành giáo dục và đào tạo đã đề ra những biện pháp cụ thể, xác định việc xây dựng trường chuẩn quốc gia là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của bậc tiểu học, với phương châm chỉ đạo kịp thời, có trọng điểm, rút kinh nghiệm, nhân điển hình. Kết quả thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn về tổ chức quản lý: Có 100 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 100%.

b) Tiêu chuẩn về cán bộ quản lý giáo viên: Có 98 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 98,0%.

c) Tiêu chuẩn về quy mô, cơ sở vật chất-thiết bị: Có 61 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 61,0%.

d) Tiêu chuẩn về xã hội hoá giáo dục: Có 96 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 96,0%.

e) Tiêu chuẩn về chất lượng giáo dục : Có 99 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 99,0%.

(Chi tiết theo biểu số 1b đính kèm).

Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố có 59 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia chiếm tỉ lệ 59%:

Số TT	Quận (Huyện)	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn QG					Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ(%)	Chia các loại hình			
					CL	BC	DL,TT	
1	Hải Châu	22	5	22.73	5	0	0	
2	Thanh Khê	15	8	53.33	8	0	0	
3	Sơn Trà	14	9	64.29	9	0	0	
4	Ngũ Hành Sơn	8	7	87.50	7	0	0	
5	Liên Chiểu	13	10	76.92	10	0	0	
6	Cẩm Lệ	9	5	55.56	5	0	0	
7	Hòa Vang	19	15	78.95	15	0	0	
	Tổng cộng	100	59	59.00	59	0	0	

1.2 Kết quả thực hiện của một số tiêu chuẩn:

a) Tổ chức học tập mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cho cán bộ quản lý từ phòng giáo dục và đào tạo đến các trường học và tổ chức cho các trường tiểu học tự kiểm tra đánh giá theo từng tiêu chuẩn của quy chế. Qua khảo sát cho thấy rằng, trong số 70 trường tiểu học năm học 1997 - 1998, có 4 trường đạt gần 5 chuẩn, 26 trường đạt 4 chuẩn, số còn lại đạt từ 3 chuẩn trở xuống. Ngành giáo dục và đào tạo lập kế hoạch hướng dẫn các trường phấn đấu mỗi năm tăng 1 chuẩn, tập trung chỉ đạo nâng chuẩn cho các trường cận chuẩn và những trường đạt 4 chuẩn để kết thúc năm học 2000 - 2001 Đà Nẵng đạt được tỷ lệ trên 30% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

b) Tập trung chỉ đạo tách trường có quy mô trên 30 lớp thành 2 trường để có điều kiện xây dựng một hoặc cả hai trường đạt chuẩn quốc gia.

Với nhiều biện pháp chỉ đạo tích cực, sau gần 10 năm triển khai thực hiện chủ trương xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, đến năm học 2007-2008 toàn thành phố đã có 59 trường tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 59%. Hiện nay, tất cả các quận, huyện trên địa bàn thành phố đều có trường đạt chuẩn quốc gia. Nhiều xã, phường có 2 trường đạt chuẩn quốc gia, như: phường Hoà Khê (Thanh Khê), phường An Hải Tây, Thọ Quang (Sơn Trà), xã Hòa Tiến (Hòa Vang).

c) Triển khai nhiều biện pháp xây dựng tiêu chí về "*Tỷ lệ cán bộ quản lý— giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn*" theo quy định tại **Tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên - nhân viên**. Đến nay, có 99,9% giáo viên tiểu học đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn là 65,9%.

2. Một số khó khăn, hạn chế

a) Khó khăn lớn nhất là quỹ đất dành cho nhà trường, tỷ lệ bình quân diện tích đất trên đầu học sinh không đạt chuẩn. Một số trường ở trung tâm thành phố là những trường có chất lượng dạy học tốt, nhưng chưa đạt trường chuẩn quốc gia, do diện tích đất không đạt chuẩn. (6m²/HS ở khu vực nội thành, 10m²/HS ở khu vực nông thôn)

b) Đội ngũ giáo viên các môn năng khiếu Âm nhạc, Thể dục, Mỹ thuật và các môn tự chọn như Tin học, Ngoại ngữ ở các trường đạt chuẩn còn thiếu, *do không có chỉ tiêu biên chế để tuyển dụng và chưa đảm bảo chất lượng.*

c) Phần lớn trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia chưa đạt 1,5 phòng/lớp; thiếu phòng học để tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày cho tất cả các lớp học ở các trường này.

d) Thiếu trang thiết bị ở các phòng chức năng, như: thư viện, phòng thiết bị dạy học, phòng giáo dục âm nhạc, sân bãi và phòng giáo dục thể chất, phòng nghe nhìn, phòng dạy ngoại ngữ và phòng dạy tin học.

đ) Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất trường học tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

Ngoài những khó khăn trên, ở nhiều trường học do chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đội ngũ cán bộ quản lý trường học thiếu nỗ lực, còn trông chờ đầu tư của cấp trên, cơ sở vật chất để giáo dục thể chất cho học sinh còn nhiều bất cập như sân chơi, bãi tập chật hẹp hoặc không có nên chất lượng giáo dục toàn diện chưa được nâng cao.

III. Giáo dục THCS

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

1.1 Kết quả xây dựng theo 5 tiêu chuẩn

Căn cứ Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia. Kết quả thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn về tổ chức quản lý: Có 41 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 82% .

b) Tiêu chuẩn về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Có 28 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 56%

c) Tiêu chuẩn về chất lượng giáo dục: Có 36 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 72%.

d) Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC- thiết bị: Có 13 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 26%.

e) Tiêu chuẩn về xã hội hoá giáo dục: Có 46 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 92%.

(Chi tiết theo biểu số 1c đính kèm).

Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố có 10 trường THCS đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ: 20 %:

Số TT	Quận (Huyện)	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn QG					Ghi chú
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Chia các loại hình			
					CL	BC	DL, TT	
1	Hải Châu	10	3	30.00	3	0	0	
2	Thanh Khê	10	3	30.00	3	0	0	
3	Sơn Trà	7	1	14.29	1	0	0	
4	Ngũ Hành Sơn	3	1	33.33	1	0	0	

5	Liên Chiểu	5	0	0.00	0	0	0	
6	Cẩm Lệ	4	1	25.00	1	0	0	
7	Hòa Vang	11	1	9.09	1	0	0	
	Tổng cộng	50	10	20.00	10	0	0	

1.2. Kết quả thực hiện của một số tiêu chuẩn:

a) Sau 2 năm hướng dẫn và đầu tư cho các trường theo hướng chuẩn quốc gia, trên cơ sở khảo sát, ngành tiếp tục chỉ đạo cho các trường đạt 4 -5 chuẩn đăng ký hoàn thành các tiêu chuẩn còn lại và đề nghị kiểm tra công nhận.

b) Tổ chức hội thảo giữa các trường đạt từ 3 chuẩn trở lên để xây dựng kế hoạch bổ sung từng tiêu chuẩn, từ đó, rút kinh nghiệm chỉ đạo các trường khác.

c) Triển khai nhiều biện pháp xây dựng tiêu chí về "*Tỷ lệ cán bộ quản lý-- giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn*" theo quy định tại **Tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên - nhân viên**. Đến nay, có 99,9% giáo viên THCS đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn là 51,5%.

2. Một số khó khăn, hạn chế

a) Các trường tuy có thuận lợi về sĩ số học sinh trên lớp, về đầu tư trang thiết bị dạy học, nhưng khó khăn lớn nhất vẫn là sân chơi, bãi tập, nhà thi đấu đa chức năng, phòng truyền thống...

b) Các trường THCS ở khu vực nội thành, tỷ lệ bình quân diện tích đất trên đầu học sinh không đạt chuẩn, tỷ lệ học sinh trên lớp vượt quá mức cho phép. Một số trường ở trung tâm thành phố là những trường có chất lượng dạy học tốt nhưng chưa đạt trường chuẩn quốc gia, do diện tích đất không đạt chuẩn.

c) Thiết bị dạy học tuy được đầu tư nhiều song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học hiện nay. Nhiều trường học chưa có đầy đủ phòng bộ môn, thiết bị dạy học được cất giữ trong kho, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên đưa lên lớp sử dụng (do thiếu cán bộ phụ trách thiết bị - Đồ dùng dạy học).

IV. Giáo dục THPT

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

1.1. Kết quả xây dựng theo 5 tiêu chuẩn

Căn cứ Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia. Kết quả thực hiện như sau:

- Tiêu chuẩn về tổ chức quản lý: Có 7 trường đạt chuẩn, Chiếm tỉ lệ: 35%.
- Tiêu chuẩn về cán bộ quản lý, giáo viên: Có 7 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 35%.
- Tiêu chuẩn về chất lượng giáo dục: Có 7 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 35%.
- Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC- thiết bị: Có 3 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 15%.

e) Tiêu chuẩn về xã hội hoá giáo dục: Có 15 trường đạt chuẩn. Chiếm tỉ lệ: 75%.

(Chi tiết theo biểu số 1d đính kèm)

Đến năm học 2007 - 2008, toàn thành phố có 2 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 10 %:

Số TT	Quận (Huyện)	Tổng số Trường	Số trường đạt chuẩn QG					Ghi chú
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Chia các loại hình			
					CL	BCDL	TT	
1	Hải Châu	04	0	0	0	0	0	
2	Thanh Khê	03	0	0	0	0	0	
3	Sơn Trà	04	2	50	2	0	0	
4	Ngũ Hành Sơn	02	0	0	0	0	0	
5	Liên Chiểu	02	0	0	0	0	0	
6	Cẩm Lệ	01	0	0	0	0	0	
7	Hòa Vang	04	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng	20	2	10	2	0	0	

1.2. Kết quả thực hiện của một số tiêu chuẩn:

Đối với trường trung học phổ thông, năm học 2001 - 2002, chỉ có một Trường THPT Hoàng Hoa Thám đủ 3 chuẩn, còn lại hầu hết các trường THPT đều chỉ đạt dưới 3 chuẩn. Ngành tập trung bổ sung kinh phí xây dựng trường THPT Hoàng Hoa Thám. Đến năm học 2002 - 2003, trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận đạt chuẩn quốc gia đầu tiên của cấp trung học phổ thông thành phố Đà Nẵng. Đến nay, có 02 trường THPT đạt chuẩn đó là Trường THPT Hoàng Hoa Thám và Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.

Trong thời gian vừa qua ngành triển khai nhiều biện pháp xây dựng tiêu chí về "Tỷ lệ cán bộ quản lý - giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn" theo quy định tại **Tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên - nhân viên**. Đến nay, có 99,9% giáo viên THPT đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn là 12,5%.

2. Một số khó khăn, hạn chế:

a) Hầu hết các trường đều có sĩ số học sinh trên lớp vượt quá mức cho phép của một lớp học đạt chuẩn (sĩ số trên 50 học sinh/lớp).

b) Các trường THPT ngoài công lập, nhất là trường THPT tư thục không được đầu tư nhiều về trang thiết bị dạy học. Không có sân chơi, bãi tập, thậm chí không có sân để tập trung chào cờ đầu tuần hoặc khai giảng năm học mới, chỉ có 1/2 hoặc 1/3 số học sinh của trường được tham dự lễ khai giảng. Chất lượng dạy học ở các trường ngoài công lập thấp so với mặt bằng thành phố.

c) Diện tích đất của hầu hết các trường THPT chưa đạt yêu cầu của một trường chuẩn quốc gia.

d) Thiết bị dạy học tuy được đầu tư nhiều song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học hiện nay. Nhiều trường học chưa có đầy đủ phòng bộ môn, thiết bị dạy học được cất giữ trong kho, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên đưa lên lớp sử dụng.

đ) Cán bộ quản lý đạt trình độ lý luận chính trị cao cấp ở các trường tư thục chiếm tỉ lệ chưa cao.

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG TRƯỜNG

ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2008 – 2010

I. Mục tiêu chung

1. Tập trung xây dựng điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ.

2. Hướng tới mục tiêu chuẩn hóa, hiện đại hoá về các lĩnh vực: tổ chức và quản lý trường học, xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ CBQL-GV ở các loại hình trường học trên địa bàn thành phố, nhằm tạo ra môi trường giáo dục đồng đều giữa các địa bàn, tạo cơ hội bình đẳng về điều kiện học tập của mọi trẻ em ở các vùng kinh tế - xã hội khác nhau.

3. Thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2006 - 2010 theo Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

II. Mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia ở từng bậc học đến năm 2010

1. Mầm non: Phần đầu có 36 trường đạt chuẩn quốc gia/130 trường, nâng tỉ lệ trường đạt chuẩn lên 27,69 %.

2. Tiểu học: Phần đầu có 71 trường đạt chuẩn quốc gia/105 trường, nâng tỉ lệ trường đạt chuẩn lên 67,61 %.

3. Trung học cơ sở: Phần đầu có 29 trường đạt chuẩn quốc gia/56 trường, nâng tỉ lệ trường đạt chuẩn lên 51,78%.

4. Trung học phổ thông: Phần đầu có 10 trường đạt chuẩn quốc gia/24 trường, nâng tỉ lệ trường đạt chuẩn lên 41,67%.

III. Giải pháp

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên:

a) Quy hoạch mỗi trường chuẩn quốc gia phải có cán bộ quản lý đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn. Riêng các trường THPT, phần đầu đến năm 2010, mỗi trường có ít nhất một người đạt trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục hoặc chuyên ngành.

b) 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

c) Giáo viên là đảng viên phải có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

d) Đảm bảo tỉ lệ giáo viên giỏi các cấp theo quy định về trường chuẩn quốc gia.

đ) Cán bộ quản lý phải có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

2. Nâng cao chất lượng dạy học

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh, đảm bảo tỷ lệ học sinh khá, giỏi theo quy định về trường chuẩn quốc gia. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động 2 không, phấn đấu giảm tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học.

3. Đảm bảo qui mô các loại hình trường ở các cấp học, bậc học theo đề án quy hoạch mạng lưới

a) Mầm non

Tối thiểu từ 3 đến 6 nhóm - lớp (khoảng từ 100 đến 150 cháu); tối đa 18 đến 21 nhóm - lớp (khoảng từ 630 đến 750 cháu).

b) Tiểu học

- Tách trường tiểu học quy mô trên 30 lớp thành 2 trường, đảm bảo được diện tích quỹ đất theo quy định trường chuẩn.

- Những trường tiểu học có từ 15 đến 20 lớp, bình quân từ 500 đến 700 học sinh, diện tích trường học chưa đảm bảo theo quy định, tiếp tục bổ sung quỹ đất cho trường .

c) Trung học cơ sở

- Chủ yếu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị thiết bị dạy học dùng chung đối với trường THCS ở trung tâm thành phố và bổ sung quỹ đất để mở rộng diện tích.

- Xây dựng mỗi trường 1 phòng máy vi tính, với số lượng máy tính từ 25 đến 30 máy, để có thể phân mỗi lớp học thành 2 ca cho một tiết thực hành.

d) Trung học phổ thông

- Tập trung nâng cao chất lượng dạy học. Tách các trường có quy mô lớn thành hai hoặc ba trường (mỗi trường dưới 45 lớp, mỗi lớp dưới 45 học sinh). Hiện nay, hầu hết các trường THPT đều có quy mô trên 45 lớp và mỗi lớp trên 50 học sinh.

- Xây dựng mỗi trường từ 1 đến 2 phòng máy vi tính, với số lượng 25 đến 30 máy/01 phòng, để có thể phân mỗi lớp học thành 2 ca cho một tiết thực hành.

4. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị

Trong năm 2007, thành phố đã đầu tư 92 tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất trường học; tuy nhiên, để tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia ở từng bậc học đến năm 2010 về tiêu chuẩn (quy mô, CSVC - thiết bị, nhu cầu đầu tư CSVC trường học) đến năm 2010 như sau:

+ Tổng kinh phí đầu tư

- Phân chia theo từng bậc học, cấp học:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng cộng
2008	8.278	9.830	16.015	5.609	39.732
2009	25.352	25.895	18.904	28.234	98.385

2010	2.220	3.334	22.171	8.174	35.899
Tổng cộng	35.850	39.059	57.090	42.017	174.016

- Phân chia theo nguồn đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nguồn vốn	2008	2009	2010	Tổng cộng
Ngân sách trung ương	10.000	11.000	12.000	33.000
Ngân sách thành phố	17.122	74.327	19.141	110.590
Ngân sách quận, huyện	9.860	6.360	998	17.218
Nguồn huy động	2.750	6.698	3.760	13.208
Tổng cộng	39.732	98.385	35.899	174.016

- Phân kỳ theo lĩnh vực đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chuẩn	2008	2009	2010	Tổng cộng
1. Về tổ chức quản lý	150	270	80	500
2. Về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	234	373	204	811
3. Về quy mô, CSVC và thiết bị. Trong đó:	36.538	90.864	31.785	159.187
a. Xây dựng cơ bản	31.057	77.234	27.017	135.309
b. Thiết bị	5.481	13.630	4.768	23.878
4. Về chất lượng giáo dục	60	180	70	310
5. Về xã hội hóa giáo dục	2.750	6.698	3.760	13.208
Tổng cộng	39.732	98.385	35.899	174.015

+ **Tổng nhu cầu quỹ đất: 20.858 m²**

Giải pháp cụ thể cho từng bậc học, cấp học như sau:

a) Mầm non

- Về quy hoạch: Tập trung xây dựng kế hoạch, phê duyệt chủ trương và quy mô đầu tư cơ sở vật chất các trường mầm non theo hướng trường chuẩn quốc gia theo Đề án quy hoạch (ban hành kèm theo Quyết định 141/2001/QĐ-UB ngày 18 tháng 9 năm 2001 của UBND thành phố Đà Nẵng) và Kế hoạch thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non (ban hành kèm theo Quyết định số 6181/QĐ-UB ngày 09 tháng 10 năm 2003 của UBND thành phố Đà Nẵng).

- Cơ sở vật chất - trang thiết bị của các trường chuẩn quốc gia:

Theo Quy định tại Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC và thiết bị của Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001, Quyết định số 25/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai

đoạn từ năm 2002 đến năm 2005 ban hành kèm theo Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001 và Quyết định số 36/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; căn cứ yêu cầu về quy cách phòng ốc, quy mô phát triển của các trường mầm non, đề xuất tổng kinh phí đầu tư theo phân kỳ để xây dựng 17 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Số trường Đầu tư	Mức Đầu tư	Chia ra				
				TC: Về tổ chức quản lý	TC: Cán bộ, quản lý, giáo viên	TC: Quy mô, CSVC-thiết bị	TC: chất lượng giáo dục	TC: Xã hội hoá giáo dục
1	2008	5	8.278	40	24	7.914	0	300
2	2009	11	25.352	110	61	21.983	50	3.148
3	2010	1	2.220	10	0	0	10	2.200
	Tổng cộng	17	35.850	160	85	29.897	60	5.648

Chi tiết theo biểu số 2a đính kèm.

- Đầu tư xây dựng 17 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 3 trường mầm non tư thực, dân lập, 14 trường mầm non công lập

- Tổng cộng nhu cầu quỹ đất: 2.300 m².

Kế hoạch xây dựng 5 tiêu chuẩn theo biểu số 2 đính kèm.

b) Tiểu học

- Về cơ sở vật chất trường học: Hiện nay, các trường tiểu học có 1500 phòng học kiên cố, trong đó có 1000 phòng học 2 buổi/ngày; 500 phòng học 2 ca/ngày. Để đảm bảo đến năm 2010, hầu hết trường học và học sinh học 2 buổi/ngày phải xây dựng thêm 500 phòng học nữa; bình quân xây dựng mới 166 phòng học/năm.

- Về trang bị thiết bị dạy học: Hiện nay, phần lớn trường học đã đạt chuẩn hay chưa đạt chuẩn vẫn thiếu thiết bị dạy-học hiện đại phục vụ công tác đổi mới nội dung và phương pháp dạy học theo tinh thần Nghị quyết 40/QH10 của Quốc hội. Trang thiết bị tối thiểu đảm bảo theo cơ sở của Bộ GD&ĐT quy định, nhưng còn thiếu trang thiết bị dùng chung; tỷ lệ trường tiểu học được trang bị máy vi tính, hệ thống nghe nhìn, thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin để giảng dạy còn hạn chế; các thiết bị giảng dạy môn giáo dục thể chất, âm nhạc và mỹ thuật, nhiều trường còn thiếu hoặc chưa được trang bị. Do vậy, tiếp tục trang bị trang thiết bị dùng chung cho các trường.

Căn cứ yêu cầu về quy mô phát triển trường lớp bậc tiểu học, có thể đề xuất tổng kinh phí đầu tư theo phân kỳ để xây dựng 12 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia ở mức độ 1 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Số trường Đầu tư	Mức Đầu tư	Chia ra				
				TC: Về tổ chức quản lý	TC: Cán bộ, quản lý, giáo viên	TC: Quy mô, CSVC-thiết bị	TC: Xã hội hoá giáo dục	TC: Chất lượng giáo dục
1	2008	4	9.830	40	72	8.668	1.000	50
2	2009	6	25.895	70	126	24.329	1.300	70
3	2010	2	3.334	20	36	2.998	260	20
	Tổng cộng	12	39.059	130	234	35.995	2.560	140

Chi tiết theo biểu số 2b đính kèm.

Tổng cộng nhu cầu quỹ đất: 5.612 m².

Kế hoạch xây dựng 5 tiêu chuẩn theo biểu số 2 đính kèm.

c) Trung học cơ sở

Đến năm 2010, số lượng học sinh THCS khá ổn định với tổng số trường là 56 trường. Trường, lớp cấp THCS chỉ cần bổ sung kinh phí để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Căn cứ nhu cầu phát triển và quy mô mạng lưới trường học, có thể đề xuất tổng kinh phí đầu tư theo phân kỳ để xây dựng 19 trường đạt chuẩn quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Số trường Đầu tư	Mức Đầu tư	Chia ra				
				TC: Về tổ chức quản lý	TC: Cán bộ, quản lý, giáo viên	TC: Chất lượng giáo dục	TC: Quy mô, CSVC-thiết bị	TC: Xã hội hoá giáo dục
1	2008	6	16.015	50	102	0	15.113	750
2	2009	6	18.904	50	114	10	18.380	350
3	2010	7	22.171	40	150	20	21.061	900
	Tổng cộng	19	55.559	140	366	30	54.554	2.000

Chi tiết theo biểu số 2c đính kèm.

Tổng cộng nhu cầu quỹ đất: 6.946 m².

Kế hoạch xây dựng 5 tiêu chuẩn theo biểu số 2 đính kèm.

d) Trung học phổ thông

Đến năm 2010, học sinh THPT tăng gần 10.000 học sinh với 24 trường. Nếu tính bình quân mỗi trường THPT thu nhận 2500 học sinh thì cần thiết phải xây dựng thêm 5 trường THPT, trong đó đầu tư xây dựng 01 trường THPT tư thục quốc tế, trường này phân đầu đến năm 2010 đạt 4 chuẩn. Riêng chuẩn chất lượng giáo dục phân đầu đạt, để trường đạt chuẩn quốc gia sau năm 2010.

Căn cứ nhu cầu phát triển và quy mô mạng lưới trường học, có thể đề xuất tổng kinh phí đầu tư theo phân kỳ để xây dựng 8 trường đạt chuẩn quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Số trường đầu tư	Mức Đầu tư	Chia ra				
				TC: Về tổ chức quản lý	TC: Cán bộ, quản lý, giáo viên	TC: Chất lượng giáo dục	TC: Quy mô, CSVC-thiết bị	TC: Xã hội hoá giáo dục
1	2008	5	12.088	50	72	40	10.126	1.800
2	2009	2	16.866	10	36	20	16.000	800
3	2010	1	6.448	10	18	20	6.000	400
	Tổng cộng	8	35.402	70	126	80	32.126	3.000

Chi tiết theo biểu số 2d đính kèm.

- Đầu tư xây dựng 8 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 1 trường THPT dân lập, tư thục và 7 trường THPT công lập.

- Tổng cộng nhu cầu quỹ đất: 6.000 m².

Kế hoạch xây dựng 5 tiêu chuẩn theo biểu số 2 đính kèm.

5. Tạo cơ chế thuận lợi để đầu tư xây dựng trường trở thành trường đạt chuẩn quốc gia

a. Đối với trường ngoài công lập

- Thành phố ưu tiên thực hiện việc giao đất, cho thuê đất theo giá ưu đãi theo các quy định tại Quyết định số 26/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Hỗ trợ chi phí đào tạo cán bộ, giáo viên để nâng cao trình độ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ theo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

- Các trường ngoài công lập cân đối nguồn kinh phí thu, chi để đầu tư xây dựng CSVC-KT đảm bảo theo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

b. Đối với trường công lập

- Về cơ sở vật chất - kỹ thuật: Thành phố bố trí nguồn kinh phí hằng năm để đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường có điều kiện phấn đấu xây dựng để trở thành trường đạt chuẩn quốc gia.

- Huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục để đầu tư nguồn vốn mua sắm trang thiết bị dạy học nâng cao chất lượng giảng dạy, phục vụ cho việc xây dựng trường chuẩn quốc gia và theo đúng tiến độ triển khai Đề án đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia. Giao trách nhiệm cụ thể cho từng phòng, ban tổ chức chỉ đạo các chỉ tiêu của từng trường dự kiến xây dựng trường chuẩn quốc gia.

2. Theo dõi tiến độ, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo UBND thành phố để đảm bảo thực hiện đề án.

3. Chỉ đạo các đơn vị, trường học thành lập Ban Chỉ đạo, gồm nhiều Tiểu ban phân công chịu trách nhiệm xây dựng từng tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia. Hàng tháng, hàng quý kiểm điểm những nội dung kế hoạch đã thực hiện, chưa thực hiện và đề ra chỉ tiêu cụ thể cho từng nội dung để các tiểu ban thực hiện.

4. Chỉ đạo các đơn vị, trường học tích cực tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đầu tư thêm về cơ sở vật chất.

5. Chỉ đạo các đơn vị, trường học tổ chức tốt các hoạt động xã hội hóa giáo dục nhằm tăng cường đầu tư về cảnh quan sư phạm nhà trường; phối hợp trong công tác giáo dục học sinh.

6. Xây dựng kế hoạch đầu tư từng giai đoạn cho các trường để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

II. UBND các quận, huyện

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong việc xây dựng trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn quận, huyện. Trình HĐND cùng cấp ra Nghị quyết về việc xây dựng trường chuẩn quốc gia theo phân cấp quản lý (lưu ý có mốc thời gian cụ thể trong việc triển khai thực hiện).

2. Cùng với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu về việc dành quỹ đất cho trường học đảm bảo đủ diện tích. Trong đó chú trọng quỹ đất dành cho các hoạt động vui chơi, giải trí và tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục thể chất của học sinh.

3. Đầu tư thêm những hạng mục công trình của các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Đối với các trường mầm non và tiểu học, UBND quận, huyện có chỉ đạo cụ thể cho UBND xã, phường trong việc đầu tư thêm cơ sở vật chất cho các loại hình trường này.

III. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham mưu về quỹ đất, quy hoạch sử dụng đất trường học trên địa bàn quy hoạch và toàn thành phố để đảm bảo tiêu chuẩn diện tích trường chuẩn.

2. Căn cứ vào quy hoạch và sự phân chia địa giới hành chính mới, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu xây dựng thêm các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở cho các phường, xã mới và trường THPT cho quận Cẩm Lệ. Đầu tư mở rộng trường THPT Hòa Vang hiện nay để có thể đưa trường này thành trường chuẩn quốc gia sau năm 2010.

IV. Sở Xây dựng

1. Tham mưu cho UBND thành phố về việc phê duyệt các công trình xây dựng trường học mới, đảm bảo đạt tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia.

2. Chủ trì và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất các phương án xây dựng trường học đảm bảo tính hiện đại, phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh.

3. Chủ trì và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND thành phố về việc bổ sung quy hoạch mạng lưới trường tại các khu vực dân cư mới.

4. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát các công trình đầu tư đảm bảo đúng quy hoạch.

V. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Căn cứ phân kỳ đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đưa vào kế hoạch đầu tư từng năm nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của con em nhân dân trên các địa bàn.

2. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trình UBND thành phố về kế hoạch xây dựng trường, kế hoạch đầu tư bổ sung, cải tạo các trường học hiện có, tiến đến hoàn thiện các trường học để được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia.

VI. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Giáo dục và Đào tạo bố trí nguồn vốn theo phân kỳ đầu tư để triển khai thực hiện Đề án đúng tiến độ. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí dành cho việc triển khai Đề án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, giám sát việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

2. Phê duyệt danh mục mua sắm và trình UBND thành phố bố trí nguồn vốn để mua sắm trang thiết bị và hàng mọt theo phân kỳ đầu tư đảm bảo đủ điều kiện để được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 17/CT-UBND

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 9 năm 2008

CHỈ THỊ

Về triển khai thực hiện Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009

Ngày 10 tháng 7 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 94/2008/QĐ-TTg về Tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 vào thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009 trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Qua đó, thu thập số liệu cơ bản về dân số và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quá trình phát triển dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước, từng địa phương, đáp ứng nhu cầu thông tin đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ từ năm 2000 đến năm 2009 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ từ năm 2010 đến 2020; phục vụ công tác giám sát thực hiện Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

Nhằm tổ chức thực hiện tốt Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chỉ thị:

1. Cục Thống kê thành phố, cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở thành phố Đà Nẵng năm 2009, có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung điều tra đã được qui định cụ thể tại Điều 2, Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg và phương án, kế hoạch Tổng điều tra dân số và nhà ở của trung ương, trình UBND thành phố thông qua.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra việc thành lập Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở các cấp, việc tổ chức thực hiện tại địa phương và thường xuyên báo cáo cho UBND thành phố biết kết quả cũng như những vướng mắc để có biện pháp xử lý kịp thời.

c) Tham gia công tác điều tra, tổng duyệt để rút kinh nghiệm về nghiệp vụ và tổ chức tập huấn cho cán bộ các cấp, ngành có liên quan và nhất là cán bộ cấp phường, xã trực tiếp tham gia công tác tại địa bàn; cung cấp đầy đủ cho các địa phương tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu thống kê, phiếu điều tra để đảm bảo tổ chức thực hiện đồng bộ điều tra trên phạm vi toàn thành phố vào thời điểm 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2009; tổng hợp, phân tích kết quả điều tra, báo cáo Ban Chỉ đạo thành phố, UBND thành phố, Ban Chỉ đạo trung ương.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố có trách nhiệm phối hợp với Cục Thống kê thành phố hoàn thiện kế hoạch triển khai; đồng thời tổ chức điều tra số nhân khẩu do Ban chỉ đạo trung ương phân công theo yêu cầu, kế hoạch chung.

3. Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp cho Cục Thống kê bản đồ và những tài liệu về ranh giới hành chính để có cơ sở lập sơ đồ địa bàn điều tra chính xác, bảo đảm không chồng lấn, bỏ sót.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Cục Thống kê lập dự trù kinh phí cần thiết phục vụ công cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở (*phần phục vụ địa phương*) trình UBND thành phố phê duyệt để thực hiện. Đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, kiểm tra và quyết toán khoản kinh phí này.

5. UBND các quận, huyện căn cứ kế hoạch triển khai của thành phố để xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể của địa phương mình, lưu ý công tác tuyên truyền, giải thích nhằm động viên mọi tầng lớp dân cư trên địa bàn có ý thức chấp hành việc kê khai, cung cấp thông tin; tổ chức tập huấn cho số cán bộ trực tiếp tham gia điều tra; tổ chức chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phường, xã triển khai thực hiện nghiêm túc nhằm đạt kết quả tốt.

6. UBND các phường, xã có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện việc Tổng điều tra dân số và nhà ở tại địa phương mình; đáp ứng đủ lực lượng tham gia công tác điều tra trên địa bàn và phân công nhiệm vụ cụ thể; phổ biến giải thích, vận động, đôn đốc nhân dân từng hộ ở khu phố, thôn, xóm kê khai, cung cấp đầy đủ thông tin theo đúng nội dung, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở, đảm bảo đúng tiến độ và đạt kết quả tốt.

7. UBND các cấp có trách nhiệm thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở từ cấp phường, xã đến cấp quận, huyện để tổ chức và thực hiện công tác Tổng điều tra dân số và nhà ở tại địa phương mình. Riêng cấp quận, huyện được thành lập Văn phòng giúp việc Ban chỉ đạo do cơ quan thống kê cùng cấp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8. Ban chỉ đạo các cấp cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng tại địa phương mở đợt tuyên truyền sâu rộng chủ trương này của Nhà nước đến mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố nhằm quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh.

9. Cục Thống kê thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi việc triển khai thực hiện các nội dung của Chỉ thị này; những vấn đề phát sinh đột xuất cần báo cáo để lãnh đạo UBND thành phố chỉ đạo xử lý kịp thời.

Nhận được Chỉ thị này, yêu cầu thủ trưởng các ngành chức năng, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở các cấp trên địa bàn thành phố khẩn trương triển khai thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:18/CT-UBND

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 9 năm 2008

CHỈ THỊ

V/v Triển khai tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp thành phố Đà Nẵng lần thứ VI

Nhằm tiếp tục thực hiện Chỉ thị 17/CT-TW ngày 23 tháng 10 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "Về phát triển thể thao đến năm 2010" và cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"; thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao (TDTT) các cấp, để đảm bảo công tác triển khai tổ chức Đại hội TDTT từ cấp cơ sở đến cấp thành phố, tiến tới tham dự Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VI năm 2010 đạt kết quả cao, Chủ tịch UBND thành phố chỉ thị:

1. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố:

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp, đoàn thể, tổ chức xã hội và các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình đóng trên địa bàn thành phố tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến mọi đối tượng về Đại hội TDTT thành phố Đà Nẵng lần thứ VI. Đồng thời, tích cực vận động đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, góp phần củng cố và phát triển phong trào TDTT thành phố, nâng cao sức khoẻ và đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch tổ chức Đại hội TDTT các cấp thành phố Đà Nẵng lần thứ VI, hướng dẫn các địa phương và các ngành xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội TDTT tại địa phương, đơn vị trên nguyên tắc thiết thực, hiệu quả, đảm bảo an ninh trật tự và thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

2. Thành lập Ban tổ chức Đại hội TDTT từng cấp, do UBND cấp đó ra quyết định thành lập, gồm: Lãnh đạo UBND làm Trưởng ban, lãnh đạo ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch làm phó Trưởng ban thường trực và các thành viên là lãnh đạo các ngành: Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Công an, Giáo dục - Đào tạo, BCH Quân sự; mời đại diện lãnh đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh tham gia Ban tổ chức Đại hội.

Đối với Ban tổ chức Đại hội TDTT của các ngành, do thủ trưởng ngành đó ra quyết định thành lập, theo cơ cấu gồm: Lãnh đạo ngành, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các thành viên có liên quan trong công tác phối hợp tổ chức Đại hội TDTT của ngành.

3. Kinh phí tổ chức Đại hội TDTT các cấp thành phố Đà Nẵng lần thứ VI được cân đối trong dự toán ngân sách năm 2009.

Giao Sở Tài chính thành phố tính toán, cân đối nguồn kinh phí tổ chức Đại hội TDTT cho các cấp, các ngành ngoài nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho công tác TDTT.

Ngoài nguồn ngân sách Nhà nước, các cấp, các ngành cần huy động thêm nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức kinh tế - xã hội.

Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND các quận, huyện có kế hoạch và thực hiện việc huy động, sử dụng tối đa các nguồn lực về cơ sở vật chất, kỹ thuật và các trang thiết bị phục vụ nhu cầu tập luyện và thi đấu TDTT của quần chúng nhân dân.

4. Các địa phương, các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, trường học, lực lượng vũ trang và các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn thành phố tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Đại hội TDTT các cấp thành phố Đà Nẵng lần thứ VI. Các hoạt động tổ chức phải hết sức thiết thực, hiệu quả, tránh phô trương, hình thức, gây lãng phí vật chất và thời gian.

Nhận được Chỉ thị này, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các quận, huyện nghiêm túc triển khai thực hiện. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/CT-UBND

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 10 năm 2008

CHỈ THỊ

Tăng cường công tác lãnh đạo, kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng chậm trễ trong việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai tại các quận, huyện

Trong những năm qua, UBND thành phố đã chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện quyết liệt công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố và coi đây là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay, từ đó đã tạo những chuyển biến và hiệu quả nhất định trong công tác này. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn việc nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, công dân, lãnh đạo các cấp, các ngành cần phải tập trung chỉ đạo thực hiện tốt hơn nữa, đặc biệt là công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo kết quả kiểm tra tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai từ đầu năm đến nay tại 28/56 phường, xã thì hồ sơ trễ hẹn bình quân toàn thành phố là 31,4%. Qua phân tích, một phần là do nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn thuộc về trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn tại xã, phường, quận, huyện; nhiều quy định của thành phố về quy trình, thời gian, chứng từ lưu chuyển đã không được phòng chuyên môn quận, huyện thực hiện nghiêm túc.

Để chấn chỉnh lại tình trạng nêu trên nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố nói chung và trong lĩnh vực đất đai nói riêng, Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu:

1. Chủ tịch UBND các quận, huyện:

a. Nâng cao vai trò người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố về công tác cải cách thủ tục hành chính; có biện pháp theo dõi, giám sát, đôn đốc Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và các bộ phận có liên quan, các phường, xã thực hiện đúng các quy định của UBND thành phố về quy trình, thời gian giải quyết hồ sơ; quy định về tổ chức và cập nhật sổ sách, chứng từ theo dõi trong quá trình giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân.

b. Phân tích, đánh giá và có biện pháp xử lý dứt điểm những yếu kém, hạn chế, tồn tại về công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai; củng cố các bộ phận chuyên môn và rà soát đội ngũ công chức, viên chức tham gia công tác này, kiên quyết thay thế cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tiêu cực, những thiếu hoặc sai phạm trong việc kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ... Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) trước ngày 31 tháng 12 năm 2008.

c. Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, động viên cán bộ, công chức nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho nhân dân và công khai cơ chế để nhân dân cùng tham gia giám sát.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt chức năng quản lý ngành, có giải pháp hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và cán bộ địa chính phường, xã.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo của UBND các quận, huyện về việc thực hiện Chỉ thị này; trình UBND thành phố theo quy định.

Yêu cầu Lãnh đạo UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan được giao nhiệm vụ nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 20/CT-UBND

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 10 năm 2008

CHỈ THỊ

Về tăng cường một số biện pháp chống hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại

Trong thời gian qua Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND các quận, huyện phối hợp kiểm tra, kiểm soát đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả, gian lận thương mại đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần phát triển sản xuất, bảo vệ được quyền lợi người tiêu dùng, từng bước ổn định thị trường, lành mạnh kinh doanh. Tuy vậy trong quá trình thực hiện chưa đạt được hiệu quả tích cực, tình trạng sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhập lậu trên thị trường vẫn còn đang diễn biến phức tạp, gây nhiều thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế và sức khỏe cộng đồng. Thị trường trong nước đã xuất hiện nhiều loại hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại trong kinh doanh: Xăng dầu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thuốc chữa bệnh cho người, thức ăn chăn nuôi, giống cây trồng, mỹ phẩm và các loại thực phẩm công nghiệp...

Nguyên nhân tồn tại trên là do các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và các lực lượng chức năng đấu tranh chống hàng giả và gian lận thương mại phối hợp chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ, có nơi do nhận thức không đầy đủ về tác hại của hàng giả, nên chưa chủ động ngăn ngừa, đề phòng; Đồng thời các chế tài xử lý vi phạm chưa thật sự đủ mạnh để chặn đứng các hành vi vi phạm.

Để tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 28/ 2008/CT-TTg, ngày 8/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cấp bách chống hàng giả, hàng kém chất lượng; cũng như các chỉ đạo của các bộ, ngành Trung ương về các biện pháp chống gian lận thương mại; Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu các sở, ngành, địa phương, các lực lượng kiểm tra kiểm soát, các tổ chức hiệp hội doanh nghiệp, Hội Bảo vệ Người tiêu dùng, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cần quán triệt một số biện pháp cấp bách sau đây:

1) Công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm đúng trọng tâm, trọng điểm, đúng đối tượng kiểm tra; Nội dung kiểm tra bao gồm: Việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, Giấy phép và các điều kiện kinh doanh, đăng ký sản xuất, kinh doanh hoặc chứng chỉ hành nghề, về ghi nhãn hàng hóa, thời hạn sử dụng. Các trường hợp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng đối với sản xuất, sức khỏe cộng đồng, môi sinh, môi trường, quyền và lợi ích của người tiêu dùng, tái phạm nhiều lần thì đình chỉ sản xuất, thu hồi Giấy phép, chứng chỉ hành nghề và truy tố trách nhiệm hành sự; trong

quá trình thực hiện các phương án kiểm tra, xử lý vi phạm phải thường xuyên có sơ kết và đánh giá rút kinh nghiệm, đảm bảo cho công tác kiểm tra xử lý đạt hiệu quả cao, tránh những diễn biến căng thẳng làm biến động thị trường.

2) Các cấp, các ngành, các lực lượng đấu tranh chống hàng giả và gian lận thương mại của thành phố cần nhận thức sâu sắc về tác hại nhiều mặt, kể cả trước mắt và lâu dài do hàng giả gây ra, thấy rõ tầm quan trọng của công tác này đối với công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và cả nước; sản xuất buôn bán hàng giả và gian lận thương mại là tội phạm kinh tế nguy hiểm không chỉ gây tổn thất vật chất cho xã hội mà còn gây bất an cho nhân dân trong tiêu dùng và sức khỏe cộng đồng (Chỉ thị số 28/2008/CT-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2008);

3) Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Khoa học & Công nghệ, Công an thành phố, Cục Hải quan Đà Nẵng, các ngành liên quan xây dựng phương án kiểm tra trong thời gian từ nay đến ngày 31/12/2008, và năm 2009 nhằm ngăn chặn có hiệu quả và xử lý các hành vi vi phạm về sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và các hành vi gian lận thương mại; chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường xây dựng kế hoạch kiểm tra và xử lý các hành vi gian lận thương mại, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng đang lưu thông trên thị trường; giúp UBND thành phố đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này đối với các sở, ban ngành, UBND quận huyện, tổng hợp và báo cáo theo định kỳ;

4) Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và sự phân công của Ban chỉ đạo 127 thành phố có kế hoạch thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi về gian lận thương mại, kinh doanh hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng, tổ chức và phối hợp với các cơ quan có chức năng kiểm nghiệm, giám định chất lượng, nhãn hàng hoá khi có dấu hiệu vi phạm theo đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn và kiểm tra việc doanh nghiệp công bố áp dụng hoặc công bố hàng hoá phù hợp quy chuẩn Việt Nam;

5) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, chế biến, đóng gói phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, giống cây trồng và xử lý các hành vi kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm quy định về ghi nhãn hàng hoá...

6) Sở Y tế có kế hoạch thanh tra, kiểm tra, rà soát và xử lý các cơ sở phân phối, bán lẻ thuốc phòng bệnh, thuốc chữa bệnh cho người (kể cả tại các bệnh viện) có lưu hành thuốc giả, kém chất lượng, quá hạn sử dụng, không ghi nhãn hoặc ghi không đầy đủ...

7) Sở Thông tin - Truyền thông, Sở Văn hoá - Thể thao & Du lịch có nhiệm vụ cung cấp nội dung, tài liệu tuyên truyền chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đấu tranh chống hàng giả...

8) Công an thành phố có nhiệm vụ chủ động và phối hợp với các cơ quan có chức năng tiến hành trinh sát, phát hiện và xử lý các hành vi kinh doanh hàng giả, hàng kém

chất lượng, gian lận thương mại; tập trung điều tra, khám phá các tổ chức, cá nhân, các đường dây, ổ nhóm sản xuất, chế biến, đóng gói, sang chiết, nhập khẩu, buôn bán, tàng trữ hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại để truy tố theo quy định của Pháp luật hiện hành.

9) Cục Hải quan Đà Nẵng tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tại cửa khẩu; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, nhập khẩu hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng quá hạn sử dụng ... vào nội địa; đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai các biện pháp chống buôn lậu đạt hiệu quả.

10) UBND quận huyện có kế hoạch phổ biến tuyên truyền chỉ thị này đến UBND các phường, BQL các chợ, các tổ chức cá nhân kinh doanh trên địa bàn, tiến hành kiểm tra và xử lý các hành vi gian lận thương mại, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng đang lưu thông trên thị trường theo phân cấp quản lý;

11) Báo Đà Nẵng, Đài Phát thanh truyền hình Đà Nẵng (DRT) có nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về đấu tranh chống các hành vi kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại.

Nhận được Chỉ thị này, UBND thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các quận, huyện xây dựng, triển khai kế hoạch và định kỳ báo cáo UBND thành phố vào ngày 20 hằng tháng qua cơ quan thường trực - Sở Công Thương thành phố.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng xuất bản

Địa chỉ: 24 Trần Phú - Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3893777

Fax: 0511.3 821286

Email: congbao@danang.vnn.vn

Website: <https://congbao.danang.gov.vn>

In tại: Công ty Cổ phần In Bưu điện